

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm Văn phòng phẩm năm 2025.
- Địa điểm: Số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM.
- Thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
1	Bao thư có in (12 x 18) cm	- Khổ giấy (12 x 18) cm, định lượng 80gsm - Màu sắc: trắng - In màu 01 mặt (mặt trước), in nội dung theo yêu cầu	Cái	2.400
2	Bao thư có in (18 x 24) cm	- Khổ giấy (18 x 24) cm, định lượng 80gsm - Màu sắc: trắng - In màu 01 mặt (mặt trước), in nội dung theo yêu cầu	Cái	1.000
3	Bao thư có in (25 x 34) cm	- Khổ giấy (25 x 34) cm, định lượng 80gsm - Màu sắc: trắng - In màu 01 mặt (mặt trước), in nội dung theo yêu cầu	Cái	600
4	Giấy A3 72	- Giấy A3 Excell hoặc tương đương - Số tờ: ≥ 470 tờ/1 ream - Kích thước: rộng 297mm x dài 420mm - Định lượng 72 gsm - Màu sắc: Màu trắng	Ream	3
5	Giấy A4 70	- Giấy A4 70 IK Plus hoặc tương đương - Số tờ: ≥ 500 tờ/ 1 ream - Kích thước: rộng 210mm x dài 297mm - Định lượng: 70 gsm - Màu sắc: Màu trắng	Ream	1.862
6	Giấy A5 80	- Giấy A5 Excell hoặc tương đương - Số tờ: ≥ 470 tờ/ 1 ream - Kích thước: dài 210mm x rộng 148mm - Định lượng: 80gsm	Ream	8.589

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		- Màu sắc: Màu trắng		
7	Giấy in ảnh A4	- Giấy in ảnh A4 Gold hoặc tương đương - Khổ A4, kích thước: rộng 210mm x dài 297mm - Định lượng: 180 gsm, 1 mặt - Màu sắc: Màu trắng	Xấp 50 tờ	205
8	Giấy in nhiệt khổ 8 cm	- Độ dài cuộn: $\geq 80m$ - Bề rộng: 80 mm - Có lõi ở giữa	Cuộn	3.922
9	Giấy in nhiệt khổ 11 cm	- Độ dài cuộn: $\geq 30 m$ - Bề rộng: 110 mm - Có lõi ở giữa	Cuộn	12
10	Giấy in nhãn khổ 9mm	Giấy in nhãn Brother Tze_221 hoặc tương đương - Kích thước: khổ rộng 9mm - Chiều dài cuộn: $\geq 50m$ - Màu sắc: chữ đen nền trắng Đặc tính: bám dính cao, chống trầy xước, chịu được hóa chất, chống thấm nước	Cuộn	4
11	Giấy in tem (30 x 50)mm	- Kích thước tem: rộng 30mm x dài 50mm - Bề ngang cuộn có 2 tem - Độ dài cuộn: $\geq 50m$ - Màu trắng đục, bề mặt láng bóng - Màu sắc: Trắng, không có vết hoen, ố, vàng - Định lượng giấy: 34 gsm	Cuộn	150
12	Giấy in tem (40 x 50)mm	- Kích thước tem: rộng 40mm x dài 50mm - Bề ngang cuộn có 1 tem - Độ dài cuộn: $\geq 50m$ - Màu trắng đục, bề mặt láng bóng - Màu sắc: Trắng, không có vết hoen, ố, vàng - Định lượng giấy: 34 gsm	Cuộn	10
13	Giấy note (3x3) inch	- Giấy Note Uni (3x3) inch hoặc tương đương - Kích thước mỗi tờ: 76mm x 76 mm - Giấy màu trơn, không hoa văn - Màu sắc: vàng	Xấp 100 tờ	97
14	Giấy note 3 màu	- Giấy màu trơn, không hoa văn - Gồm 3 màu dạ quang được cắt nhỏ từ khổ 76mm x 76mm	Xấp 100 tờ 3 màu	25
15	Giấy note mũi tên	- Kích thước từng màu: rộng 12mm x dài 45mm ($\pm 1mm$) - 1 xấp có 5 màu dạ quang, hình dạng mũi tên - Được làm bằng chất liệu Polime	Xấp 25 tờ 5 màu	27

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		- Đầu có lớp keo, dùng để phân trang, đánh dấu các trang tài liệu cần ghi chú		
16	Giấy niêm phong	- Làm bằng chất liệu giấy Pelure có đặc tính mỏng, độ bám dính cao, khi dán bóc ra là rách, màu trắng. - Khổ A4, kích thước: rộng 210mm x dài 297mm	Xấp 500 tờ	2
17	Giấy vệ sinh	- Giấy vệ sinh AnAn hoặc tương đương - Nguyên liệu bột giấy thiên nhiên, có độ dẻo dai và an toàn cho sức khỏe người dùng, mềm mịn, có độ trắng tinh. - Cuộn giấy cao 9cm (± 1 cm), đường kính cuộn 9cm (± 1 cm), đường kính lõi $\leq 4,2$ cm.	Cuộn	950
18	Khăn giấy	- Khăn giấy Pulppy hoặc tương đương - Giấy có 2 lớp từ 100% bột giấy nguyên chất, - Khổ giấy: rộng 186mm x dài 200mm - Định lượng: ≥ 180 tờ/hộp - Màu sắc: trắng tinh	Hộp	36
19	Giấy y tế (40 x 25)cm	- Kích thước: dài 40cm x rộng 25cm - Màu sắc: Trắng, không có vết hoen, ố, vàng. - Định lượng giấy: 34 gsm	Kg	2.419
20	Giấy y tế (40 x 50)cm	- Kích thước: rộng 40cm x dài 50cm - Màu sắc: Trắng, không có vết hoen, ố, vàng - Định lượng giấy: 34 gsm	Kg	216
21	Bút bi đen	- Bút bi đen Thiên Long TL08 hoặc tương đương - Đường kính viên bi: 0.8 mm - Trọng lượng: ≤ 8 gram - Bút bi dạng bấm cò - Màu mực: Màu đen	Cây	14
22	Bút bi đỏ	- Bút bi đỏ Thiên Long TL08 hoặc tương đương - Đường kính viên bi: 0.8 mm - Trọng lượng: ≤ 8 gram - Bút bi dạng bấm cò - Màu mực: Màu đỏ	Cây	155
23	Bút bi xanh	- Bút bi xanh Thiên Long TL08 hoặc tương đương - Đường kính viên bi: 0.8 mm - Trọng lượng: ≤ 8 gram - Bút bi dạng bấm cò - Màu mực: Màu xanh	Cây	2.884
24	Bút cảm bàn đôi	- Bút cảm bàn đôi Thiên Long FO-PH01 hoặc tương đương	Cặp	268

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		- Kích thước đầu bút: 0,8 mm - Đầu bi dạng cone - Có thiết kế 2 bút trên 1 đế cắm nhỏ - Có băng keo hai mặt phía dưới, giúp dính chặt vào bề mặt - Màu mực: Màu xanh		
25	Bút chì gỗ 2B	- Bút chì gỗ 2B Thiên Long GP-027 hoặc tương đương - Kiểu dáng: Dạng thẳng lục giác - Độ cứng ruột chì 2B - Chiều dài bút 165 mm (± 2 mm) - Đường kính ruột chì 2 mm - Trọng lượng: ≤ 8 gram	Cây	127
26	Bút lông bảng	- Bút lông viết bảng Thiên Long WB_03 hoặc tương đương - Viết tốt, trơn, êm trên bảng trắng, thủy tinh và những bề mặt nhẵn bóng - Bề rộng nét viết 2.5 mm (± 0.2 mm) - Đường kính đầu bút: 2,5 mm (± 0.2 mm) - Màu mực: xanh	Cây	260
27	Bút lông dầu loại lớn	- Bút lông dầu Thiên Long PM_09 hoặc tương đương - Kiểu dáng thon gọn, bút gồm 2 đầu, bề rộng nét viết: đầu nhỏ 0,8mm ($\pm 0,1$ mm), đầu lớn 6 mm (± 1 mm), - Màu mực: xanh	Cây	110
28	Bút lông dầu loại nhỏ	- Bút lông dầu Thiên Long PM_04 hoặc tương đương - Kiểu dáng thon gọn, gồm 2 đầu bút khác nhau: Đầu nhỏ 0,4 mm, đầu lớn 1mm - Màu mực: xanh	Cây	390
29	Bút nước gel	- Bút nước gel Uniball UB-150 hoặc tương đương - Đầu bút được làm bằng inox không gỉ, đầu bi làm bằng hợp kim cacbua tungsten 0,5mm, giúp mực ra đều và nhanh khi viết - Bút có thiết kế nắp đậy - Màu mực: Màu xanh	Cây	60
30	Bút dạ quang	- Bút dạ quang FO-HL02 Thiên Long hoặc tương đương - Thân bút dạng dẹp, vừa tay cầm và không lăn khi để trên bàn, có nắp đậy - Đầu bút bằng Polyethylene, dạng vát xéo, bề rộng nét viết 5mm - Màu mực tươi sáng, phản quang tốt, thích hợp trên nhiều loại giấy - Màu: nhiều màu	Cây	55

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
31	Chuốt chì	- Chuốt chì 01 lỗ TOMO YPLUS+ hoặc tương đương - Chất liệu: nhựa, Lưỡi chuốt làm từ thép không gỉ - Thiết kế có hộc đựng rác giúp đựng được bã chì, dễ dàng vệ sinh và không gây bẩn khi sử dụng - Màu sắc: nhiều màu - Kích thước: + dài (3,5-4,5)cm + rộng (2-3)cm + cao (1,5-2,5)cm	Cái	45
32	Thước kẻ dẻo 20cm	- Chất liệu: nhựa trong dẻo - Kích thước + Dài: 20 cm, chia vạch từng cm + Rộng: 2,5 cm ($\pm 0,5$ cm) - Màu sắc: trắng trong	Cái	10
33	Thước kẻ 30cm	- Chất liệu: được làm từ mica - Kích thước: + Dài: 30 cm, chia vạch từng cm + Rộng: 3 cm ($\pm 0,5$ cm) - Màu sắc: trắng trong	Cái	38
34	Sổ caro	- Sổ Caro Tân Vĩnh Tiến hoặc tương đương - Khổ: rộng 25cm x dài 33cm, định lượng ≥ 296 trang - Bìa sổ làm bằng carton dày, có kẻ sọc caro, bên trong là giấy trắng ô ly nhỏ.	Quyển	43
35	Tập 100 trang	- Kích thước: rộng 155mm x dài 205mm - Định lượng: ≥ 100 trang luôn bìa	Quyển	78
36	Tập 200 trang	- Kích thước: rộng 155mm x dài 205mm - Định lượng: ≥ 200 trang luôn bìa	Quyển	61
37	Bìa 3 dây loại 10cm	- Kích thước bìa: khổ A4, Dài 32,5cm x Rộng 23cm x Cao (gáy) 10cm - Độ dày của giấy bìa: 3mm - Thiết kế có 03 dây cột	Cái	15
38	Bìa 3 dây loại 15cm	- Kích thước bìa là khổ A4, Dài 32,5cm x Rộng 23cm x Cao (gáy) 15cm - Độ dày của giấy bìa: 3mm - Thiết kế có 03 dây cột	Cái	19
39	Bìa 3 dây loại 20cm	- Kích thước bìa là khổ A4, Dài 32,5cm x Rộng 23cm x Cao (gáy) 20cm - Độ dày của giấy bìa: 3mm - Thiết kế có 03 dây cột	Cái	30
40	Bìa 2 lá khổ A4	- Khổ A4: rộng 22cm x dài 30cm - Chất liệu: nhựa PP trong, có độ dai,	Cái	80

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		độ bền cao, khả năng chịu nhiệt tốt - Màu sắc: Trong suốt		
41	Bìa 2 lá khổ F4	- Khổ F4: rộng 24cm x dài 33cm - Chất liệu: nhựa PP trong, có độ dai, độ bền cao, khả năng chịu nhiệt tốt - Màu sắc: Trong suốt	Cái	618
42	Bìa 40 lá	- Bìa 40 lá A4 Flexoffice FO-DB02 Thiên Long hoặc tương đương - Kích thước: dài 310mm x rộng 230mm x cao (gáy) 25mm - Bên trong có 40 lá, mỗi lá có thể lưu trữ ≥ 10 tờ A4, chất liệu: nhựa PP - Màu sắc: xanh dương/xanh đậm	Cái	14
43	Bìa 60 lá	- Bìa 60 lá A4 Flexoffice FO-DB03 Thiên Long hoặc tương đương - Kích thước: dài 310mm x rộng 240mm x cao (gáy) 30mm - Bên trong có 60 lá, mỗi lá có thể lưu trữ ≥ 10 tờ A4 - Chất liệu: nhựa PP - Màu sắc: xanh dương/xanh đậm	Cái	12
44	Bìa da Simili 100 lá	- Bìa bọc da simili bên ngoài - Bên trong có 100 lá nhựa trong suốt khổ A4, mỗi lá nhựa lưu trữ ≥ 10 tờ A4 - Kích thước: dài 32cm x rộng 23cm x cao (gáy) 2,5cm - Màu sắc bìa: nhiều màu	Cái	1
45	Bìa bướm 02 ngăn A4	- Bìa bướm 02 ngăn A4 Kinary hoặc tương đương - Chất liệu: PP chắc chắn, chống thấm nước, cho độ bền cao, dễ dàng lau chùi khi bị bám bẩn. - Kích thước: dài 310mm x rộng 235mm - Màu sắc: trong suốt/xanh	Cái	124
46	Bìa còng 7cm	- Độ dày gáy: 7cm - Quy cách: khổ A4 - Còng kim loại chống gỉ sét và giúp giữ chặt tài liệu - Phần gáy có khung giấy trắng để ghi chú thông tin về loại hồ sơ được lưu trữ - Phù hợp với các loại giấy tờ khổ A4 - Màu sắc: xanh dương	Cái	9
47	Bìa còng 10cm	- Độ dày gáy: 10cm - Quy cách: khổ A4 - Còng kim loại chống gỉ sét và giúp giữ chặt tài liệu - Phần gáy có khung giấy trắng để ghi chú thông tin về loại hồ sơ được lưu	Cái	25

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		trữ - Phù hợp với các loại giấy tờ khổ A4 - Màu sắc: xanh dương		
48	Bìa còng 15cm	- Độ dày gáy: 15cm - Quy cách: khổ A4 - Còng kim loại chống gỉ sét và giúp giữ chặt tài liệu - Phần gáy có khung giấy trắng để ghi chú thông tin về loại hồ sơ được lưu trữ - Phù hợp với các loại giấy tờ khổ A4 - Màu sắc: xanh dương	Cái	6
49	Bìa ép Plastic A4	- Chất liệu: nhựa trong suốt - Ép hình khổ A4, kích thước: rộng 22cm x dài 31cm - Độ dày màng ép 80 mic	Xấp 100 tờ	5
50	Bìa ép Plastic A3	- Chất liệu: nhựa trong suốt - Ép hình khổ A3, kích thước: rộng 31cm x dài 43cm - Độ dày màng ép 80 mic	Xấp 100 tờ	2
51	Bìa kiếng A4	- Quy cách: khổ A4 - Độ dày 1,5mm - Chất liệu: nhựa trong suốt	Xấp 100 tờ	6
52	Bìa lỗ	- Chất liệu: nhựa trong, dẻo dai - Bìa lỗ có một hàng lỗ bên mép trái, gồm 11 lỗ, được dán kín 3 mép, chứa 1 mép để bỏ tài liệu vào. - Kích thước: rộng 230mm x dài 300 mm - Độ dày $\geq 0.04\text{mm}$ - Mỗi lá chứa ≥ 10 tờ A4	Xấp 100 tờ	26
53	Bìa nút F4	- Kích thước: dài 350mm x rộng 260mm - Chất liệu nhựa trong suốt, có nút bấm giữ tài liệu	Cái	1.091
54	Bìa thái A4	- Quy cách: khổ A4, kích thước: rộng 210mm x dài 297mm - Định lượng: 180 gsm (180 gram/m ²) - Màu sắc: nhiều màu	Xấp 100 tờ	29
55	Bìa thái F3	- Quy cách khổ F3, kích thước rộng 320mm x dài 480mm - Định lượng: 180 gsm (180 gram/m ²) - Màu sắc: nhiều màu	Tờ	36
56	Bìa trình ký 1 mặt	- Bìa được làm bằng Simili cứng chắc và bền - Có thể kẹp được ≥ 100 tờ giấy A4 - Màu sắc: nhiều màu	Cái	84
57	Bìa trình ký đôi	- Bìa được làm bằng Similier cứng chắc và bền - Có thể kẹp được ≥ 100 tờ giấy A4	Cái	23

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		- Màu sắc: nhiều màu		
58	Bấm kim số 10	- Chất liệu inox, bọc nhựa bên ngoài - Bấm kim có thể bấm tối đa ≥ 10 tờ giấy A4 - Trọng lượng ≤ 50 gr - Màu sắc: nhiều màu	Cái	117
59	Kim bấm 10	- Sử dụng cho bấm kim số 10, cao 4mm, rộng 8.5mm - Độ dài chân ghim: 4mm, rộng 8,5mm - Số ghim: 50 ghim/ thanh	Hộp 20 thanh ghim	3.061
60	Dụng cụ gỡ kim	- Được làm từ chất liệu thép bền chắc, bên ngoài có bọc nhựa - Dùng để gỡ (nhỏ) kim bấm kim số 10, số 3 - Màu sắc: nhiều màu	Cái	25
61	Kim kẹp giấy C62	- Kim kẹp giấy có đầu tam giác, đầu tròn sản xuất từ kim loại chất lượng cao, được phủ lớp Niken chống gỉ - chiều dài 25mm (± 1 mm) - Màu sắc: trắng	Hộp 100 cái	718
62	Kẹp bướm 15 mm	- Kẹp bướm Slecho hoặc tương đương - Kích thước: 15 mm - Chất liệu: sắt ko gỉ - Màu sắc: đen	Hộp 12 cái	26
63	Kẹp bướm 19 mm	- Kẹp bướm Slecho hoặc tương đương - Kích thước: 19 mm - Chất liệu: sắt ko gỉ - Màu sắc: đen	Hộp 12 cái	25
64	Kẹp bướm 25 mm	- Kẹp bướm Slecho hoặc tương đương - Kích thước: 25 mm - Chất liệu: sắt ko gỉ - Màu sắc: đen	Hộp 12 cái	37
65	Kẹp bướm 32 mm	- Kẹp bướm Slecho hoặc tương đương - Kích thước: 32 mm - Chất liệu: sắt ko gỉ - Màu sắc: đen	Hộp 12 cái	22
66	Kẹp bướm 41mm	- Kẹp bướm Slecho hoặc tương đương - Kích thước: 41 mm - Chất liệu: sắt ko gỉ - Màu sắc: đen	Hộp 12 cái	14
67	Kẹp bướm 51mm	- Kẹp bướm Slecho hoặc tương đương - Kích thước: 51 mm - Chất liệu: sắt ko gỉ - Màu sắc: đen	Hộp 12 cái	23
68	Thanh cài Acco nhựa	- Chiều dài nẹp: 80mm - Có 2 chốt chặn, dùng để nẹp tài liệu, hồ sơ - Màu sắc: nhiều màu	Hộp 50 cặp que	8
69	Băng keo 2 mặt 2cm	- Màu trắng đục - Dài ≥ 10 m, khổ 2cm	Cuộn	38

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
70	Băng keo mouse xốp 2,4cm	- Dài $\geq$ 8m, khổ 2,4cm - Dính được trên nhiều vật liệu khác nhau như nhôm, nhựa, composite, kính, gỗ... - Xốp màu trắng, dán 02 mặt	Cuộn	21
71	Băng keo si 3,5cm	- Chất liệu: Simili mỏng - Dài $\geq$ 10m, khổ 3,5cm - Màu sắc: nhiều màu	Cuộn	16
72	Băng keo si 4,8cm	- Chất liệu: Simili mỏng - Dài $\geq$ 10m, khổ 4,8cm - Màu sắc: nhiều màu	Cuộn	28
73	Băng keo trong 2cm	- Chất liệu: làm được làm từ màng BOPP - Rộng: 2 cm, dài: $\geq$ 10 m - Màu sắc: trong suốt	Cuộn	51
74	Băng keo trong 5cm	- Chất liệu: làm được làm từ màng BOPP - Dài $\geq$ 90 m, khổ 5cm - Màu sắc: trong suốt	Cuộn	300
75	Băng keo dán tiền loại đục	- Rộng 19mm, dài $\geq$ 4m	Cuộn	2
76	Băng keo dán chống trơn trượt 5cm	Băng keo chống trơn trượt Misha hoặc tương đương - Rộng 5cm, dài $\geq$ 5m - Thành phần: Lớp keo chống nước hoặc chống dầu + lớp PVC + carbon tạo độ nhám. - Màu sắc: vàng đen	Cuộn	30
77	Hồ nước	- Lọ nhựa trong suốt, Đầu keo có thanh nhựa mỏng đẹp giúp dễ tạo lớp phủ keo đều mà không bị khô đầu dán	Lọ 30ml	3.385
78	Keo dán	- Keo 502 hoặc tương đương	Lọ 12g	6
79	Decal A4	- Kích thước: rộng 210mm x dài 297mm - Để màu xanh	Xấp 100 tờ	5
80	Tampon đóng dấu	- Tampon Shiny SP-3 hoặc tương đương - Màu sắc: đỏ - Kích thước: rộng 7cm x dài 11cm x cao 2cm	Cái	5
81	Mực dấu đỏ	- Mực dấu Shiny hoặc tương đương - Thể tích: 28 ml ($\pm$ 2 ml) - Màu sắc: Màu đỏ	Lọ	154
82	Mực dấu xanh	- Mực dấu Shiny hoặc tương đương - Thể tích: 28 ml ($\pm$ 2 ml) - Màu sắc: xanh	Lọ	80
83	Mực xanh không phai	- Thể tích: 15ml ($\pm$ 2 ml) - Màu sắc: màu xanh	Lọ	14
84	Pin Cmos CR2025	- Pin Cmos CR2025 Panasonic hoặc tương đương	Cục	100

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
85	Pin Cmos CR2032	- Pin Cmos CR2032 Maxell hoặc tương đương	Cục	150
86	Pin 12V-23A	- Pin 12V-23A Camelion Alkaline hoặc tương đương	Cục	12
87	Pin tiểu - 2A	- Pin 2A Maxell hoặc tương đương	Cục	1.040
88	Pin tiểu - 3A	- Pin 3A Toshiba hoặc tương đương	Cục	880
89	Pin trung - C	- Pin C Maxell hoặc tương đương	Cục	172
90	Pin đại - D	- Pin đại Maxell D (R20C) Carbon hoặc tương đương	Cục	4
91	Pin máy tính	- Pin máy tính AG13 hoặc tương đương	Cục	24
92	Pin vuông 9V	- Pin vuông 9V Panasonic hoặc tương đương	Cục	36
93	Dao cạo râu	- Dao cạo râu loại sử dụng 01 lần, không thay được lưỡi - Chất liệu: lưỡi dao bằng thép không gỉ, cán nhựa Polystyrene	Cái	142
94	Dao rọc giấy lớn	- Dao rọc giấy Thiên Long FO-KN04 18mm hoặc tương đương - Cán và chuôi dao làm bằng nhựa ABS, khóa dao làm bằng nhựa PP - Khóa dao giữ lưỡi dao cố định, an toàn khi sử dụng - Lưỡi dao làm bằng thép cacbon bền, sắc bén, bề mặt sáng bóng, không trầy xước, không bị rỉ sét - Chiều dài dao: 164 mm (± 2 mm) - Chiều rộng lưỡi dao: 18 mm (± 1 mm)	Cái	22
95	Lưỡi dao lớn	- Dùng cho dao rọc giấy lớn, đồng thời phải đảm bảo tương thích với Mặt hàng Dao rọc giấy lớn ở STT94 trong danh mục - Kích cỡ 18mm (± 1 mm)	Hộp 10 cái	26
96	Lưỡi lam	- Chất liệu thép không gỉ, sắc bén	Hộp 10 cái	38
97	Kéo cắt vải	- Kéo cắt vải Nhon Hòa-Nguyễn Đình 10 inch hoặc tương đương - Chất liệu lưỡi kéo: thép không gỉ, cán cầm chắc chắn. - Lưỡi kéo sắc bén, bền. - Cán làm bằng nhựa - Kích thước: dài 25cm (± 1 cm), lưỡi kéo: 12 cm ($\pm 0,5$ cm)	Cái	13
98	Kéo văn phòng loại trung	- Độ dài kéo: 18cm (± 1 cm) - Độ dài lưỡi kéo: 11,5 cm ($\pm 0,5$ cm) - Lưỡi kéo làm bằng thép không gỉ, tay cầm được làm bằng nhựa.	Cái	46
99	Kéo văn phòng loại lớn	- Kéo văn phòng Pro Office hoặc tương đương	Cái	15

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		- Độ dài kéo: 21 cm (± 1 cm) - Độ dài lưỡi kéo: 12 cm (± 0.5 cm) - Lưỡi kéo làm bằng thép không gỉ, tay cầm được làm bằng nhựa		
100	Bút xóa nước	- Bút xóa Thiên Long CP-02 hoặc tương đương - Dung tích mực: ≥ 12ml - Trọng lượng bút xóa: ≤ 34gr	Cây	31
101	Gôm	- Gôm tẩy Pentel ZEH-03N hoặc tương đương - Kích thước: dài 35mm x rộng 16mm x cao 12 mm (± 1 mm) - Trọng lượng ≤ 17 gram - Màu sắc: trắng đục	Cục	60
102	Thun vòng nhỏ	- Đường kính: 16 mm - Thun được làm từ 100% cao su tự nhiên có độ đàn hồi, độ bền lâu - Màu sắc: màu vàng	Bịch 500gr	7
103	Thun vòng trung	- Đường kính: 26 mm - Thun được làm từ 100% cao su tự nhiên có độ đàn hồi, độ bền lâu - Màu sắc: màu vàng	Bịch 500gr	187
104	Thun vòng lớn	- Đường kính: 38 mm - Thun được làm từ 100% cao su tự nhiên có độ đàn hồi, độ bền lâu. - Màu sắc: màu xanh	Bịch 500gr	17
105	Dây nylon cột hàng	- Chất liệu: nhựa PP, dai bền - Kích thước: Rộng 5 cm (± 1 cm) - Màu sắc: trắng	Cuộn 500gr	20
106	Dây thun luồn quần áo	- Rộng 1,2 cm - Chất liệu: sợi nylon DTY kết hợp với sợi cao su tự nhiên (hoặc sợi spandex). - Màu sắc: trắng	Cuộn 100m	1
107	Kệ mica 4 tầng	- Kệ mica 4 tầng Xukiva hoặc tương đương - Chất liệu: Mica - Số tầng: 04, tháo ráp đơn giản - Kích thước: (dài 35.5cm x rộng 26cm x cao 34cm) (± 2 cm) - Màu sắc: xanh đen - Công dụng: Lưu trữ tài liệu, chứng từ, hồ sơ...	Cái	22
108	Kệ rổ 1 ngăn	- Kệ rổ 1 ngăn Đào Tiên hoặc tương đương - Kệ rổ xéo bằng nhựa, có 01 ngăn - Kích thước: (rộng 12cm x cao 36cm x dài 28cm) (± 1cm) - Màu sắc : Xanh dương	Cái	46
109	Kệ rổ 3 ngăn	Kệ rổ 03 ngăn Đào Tiên hoặc tương đương	Cái	13

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		- Kệ rổ xéo bằng nhựa, có 03 ngăn liên hoàn, tháo ráp được - Kích thước: (rộng 30cm x cao 30cm x dài 30cm) (± 1 cm) - Màu sắc : Xanh dương		
110	Kệ rổ 4 ngăn	- Kệ rổ 4 ngăn Xukiva hoặc tương đương - Kệ rổ xéo bằng nhựa, có 04 ngăn liên hoàn, tháo ráp được - Kích thước: (rộng 26cm x dài 30cm x cao 30cm) (± 1 cm) - Màu sắc: Xanh dương	Cái	4
111	Ly nhựa trong 195 ml	- Ly nhựa trong Tân Hiệp Hưng 195 ml loại không nắp đáy hoặc tương đương - Chất liệu: nhựa PP - Kích thước: + Miệng ly: $\phi 75$ mm (± 5 mm) + Đáy ly: $\phi 50$ mm (± 5 mm) + Chiều cao: 75 mm (± 5 mm) - Màu sắc: trong suốt	Cái	33.488
112	Ly nhựa đục 195 ml	- Ly nhựa đục Tân Hiệp Hưng 195 ml loại không nắp đáy hoặc tương đương - Chất liệu: nhựa PP - Kích thước: + Miệng ly: $\phi 75$ mm (± 5 mm) + Đáy ly: $\phi 50$ mm (± 5 mm) + Chiều cao: 75 mm (± 5 mm) - Màu sắc: trắng đục	Cái	12.000
113	Ly thủy tinh 225 ml	- Ly thủy tinh 225 ml Union UG_359 hoặc tương đương - Chất liệu: thủy tinh - Kiểu dáng: thiết kế để góc đẹp mắt - Kích thước: + Miệng ly: $\phi 70$ mm (± 5 mm) + Chiều cao: 80 mm (± 5 mm) - Màu sắc: trong suốt	Cái	60
114	Đế đựng ly thủy tinh	- Đế ly thủy tinh Union UG-337 hoặc tương đương - Chất liệu: thủy tinh - Kích thước: + Miệng đế: $\phi 85$ mm (± 5 mm) + Chiều cao: 20 mm (± 2 mm) - Màu sắc: trong suốt	cái	60
115	Bảng tên đeo đeo thẻ (có dây đeo)	- Bảng tên đeo JL017 hoặc tương đương, có dây đeo lụa móc sắt - Chất liệu: nhựa PVC trong suốt dẻo, chống thấm nước - Hình dáng: thẻ ngang, kích thước: lọt lòng (dài 9cm x rộng 6cm); phủ bì (dài 10cm x rộng 8,5cm)	Bộ	204

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
116	Đồng hồ treo tường	- Chất liệu: Nhựa - Hình dáng: hình tròn, đường kính: 30cm - Màu sắc: Trắng, Xanh, Đỏ, Nâu gỗ - Mặt số: màu trắng	Cái	27
117	Hộp quẹt gas	- Chất liệu: nhựa ABS hoặc AS - Kích thước: ngang 2,5cm x dài 8cm - Đánh lửa: điện tử (bấm xuống) - Màu sắc: nhiều màu	Cái	12
118	Lau bảng	- Kích thước: dài 11cm x rộng 5,5cm x cao 4cm (± 1 cm) - Phần vải lau được làm từ mút mềm - Tay cầm được làm từ nhựa cứng chắc chắn, đảm bảo độ bền tối đa cho sản phẩm. - Màu sắc: nhiều màu	Cái	84
119	Màng bọc công nghiệp 20cm	- Khổ rộng 20 cm - Chất liệu: nhựa PE trong - Trọng lượng cuộn: ≥ 3 kg	Cuộn	6
120	Máy tính trung	- Máy tính Casio JS-120L hoặc tương đương - Màn hình hiển thị 12 số, Số hiển thị cỡ 15 mm - Kích thước: ngang 10cm x dài 17cm	Cái	21
121	Sáp đếm tiền	- Hình tròn, đường kính 4,5cm, cao 1,5cm - Chất liệu: sáp - Màu sắc: nhiều màu	Hộp	29
122	Trà	- Trà Ngọc Trang hoặc tương đương - 100% búp trà xanh, Sỏi, Ngài, Lài - Hương liệu thảo mộc thiên nhiên.	Bịch 400g	36
123	Túi Zipper (9 x 16) cm	- Bao nhựa trong suốt, có khóa miệng, được sản xuất từ nhựa LDPE nguyên chất - Độ dày: 6 mic - Định lượng: ≥ 390 cái/ký	Kg	2
124	Đèn pin	Đèn pin Police 905 hoặc tương đương Bóng đèn led, ánh sáng trắng, thiết kế nhỏ gọn Chiều dài: 12 cm (± 1 cm) Màu sắc: màu đen Sử dụng pin 3A thông dụng 1,5 V Có móc kẹp tiện dụng	Cái	31
125	Đèn pin sạc	Đèn pin sạc cầm tay DP 9123 hoặc tương đương Chất liệu: nhựa ABS không độc hại. Dung lượng pin: 800mAh. Công suất: Bóng đèn trước 2W- Có đèn led phụ bên hông Chứa đèn: (7-8)cm	Cái	3

TT	Danh mục hàng hoá	Thông số kỹ thuật yêu cầu	ĐVT	Số lượng
		Nguồn điện: 220V. Kích thước: dài (20-22) cm. Tầm chiếu xa: 100m. Bán kính sáng: 1,5m. Thời gian dùng liên tục: 4 giờ. Màu sắc: nhiều màu. Chế độ sáng: mạnh/yếu.		

Ghi chú:

- Nhãn hiệu, mã hiệu, tên thương mại nêu trong HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn để đánh giá E-HSDT, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu hàng hóa khác so với HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo chứng minh hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương, quy cách đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác: Nhà thầu phải cam kết các nội dung sau:

- Tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Nhà thầu cam kết về chất lượng giấy: Giấy in có màu trắng sáng, không quá mỏng phù hợp với mọi loại máy in. Khi sử dụng giấy bám mực sắc nét, không lem mực. Bề mặt giấy không được bị nhăn, phồng, thủng hoặc khuyết tật bề mặt khác.

- Cam kết cung cấp hàng hóa trong vòng 72 giờ kể từ ngày nhận được yêu cầu giao hàng, đối với những mặt hàng mà chủ đầu tư cần gấp thì phải giao trong vòng 24 giờ kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Bảo hành: Tối thiểu 06 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đối với mặt hàng Đồng hồ treo tường (STT 116) và Máy tính trung (STT 120). Trong thời gian bảo hành, nếu có sự cố phải khắc phục trong vòng 24 giờ kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu hết thời gian này mà Nhà thầu chưa tiến hành kế hoạch thực hiện công tác bảo hành các sai sót hoặc có tiến hành nhưng không đáp ứng theo yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.

- Trường hợp hàng hóa cung cấp bị lỗi từ nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến Chủ đầu tư hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, trong vòng 48 giờ làm việc nhà thầu phải đổi hàng mới (01 đổi 01) đáp ứng đúng yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu hết thời gian này mà Nhà thầu không đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện và toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.

- Trường hợp hàng hóa bàn giao không đảm bảo về chất lượng sản phẩm, chậm tiến độ, cung cấp model/hãng sản xuất/xuất xứ không đúng như E-HSDT, vi phạm các điều khoản hợp đồng sẽ bị Chủ đầu tư lập biên bản vi phạm (nếu quá 02 lần) nhà thầu sẽ bị phạt và chấm dứt hợp đồng, toàn bộ thiệt hại nhà thầu phải chi trả.

- Nhà thầu cam kết vận chuyển hàng hóa đến địa điểm giao hàng đã thỏa thuận tại trụ sở của chủ đầu tư, địa chỉ: Số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong vòng 02 giờ trước khi giao hàng, nhà thầu sẽ thông báo cho chủ đầu tư về thời gian giao hàng cụ thể.

1.4 Kê khai hàng hóa được hưởng ưu đãi (chỉ áp dụng đối với các hàng hóa có kê khai ưu đãi)

Hàng hóa được hưởng ưu đãi phải kê khai theo các mẫu sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tên cơ sở sản xuất
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

BẢNG THUYẾT MINH CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC
TRONG CƠ CẤU GIÁ
(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Mã phân/lô
Tên hàng hóa
Số lưu hành
Tên cơ sở sản xuất

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Chi phí trong nước
A	Sản lượng tính giá					
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh					
I	Chi phí trực tiếp:					
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu					
2	Chi phí nhân công trực tiếp					
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp (trường hợp được trích khấu hao)					
4	Chi phí sản xuất khác (nhà sản xuất liệt kê các chi phí)					
II	Chi phí chung					
5	Chi phí sản xuất chung (đối với doanh nghiệp) (nếu có)					
6	Chi phí tài chính (nếu có)					
7	Chi phí bán hàng (nếu có)					
8	Chi phí quản lý (nếu có)					
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh					
C	Chi phí phân bổ cho sản phẩm phụ (nếu có)					
D	Giá thành toàn bộ					
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm					
E	Lợi nhuận dự kiến					
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định					
H	Giá dự thầu					

Ghi chú:
- Nhà thầu nộp các tài liệu chứng minh: BẢNG CHI PHÍ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU CẤU THÀNH SẢN PHẨM (mẫu UĐSX 02) - Bản cam kết của cơ sở sản xuất (theo mẫu số UĐSX 05)
- Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh các chi phí liệt kê tại bảng này. Chủ đầu tư chỉ xét ưu đãi đối với các sản phẩm có đủ tài liệu chứng minh các chi phí kê khai tại Mẫu này.

Đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất (Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tên cơ sở sản xuất

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

BẢNG CHI PHÍ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU CẤU THÀNH SẢN PHẨM
(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Mã phân/lô
Tên hàng hóa
Số lưu hành
Tên cơ sở sản xuất

STT	Tên nguyên liệu, vật liệu	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Định mức cho 1 đơn vị sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tài liệu chứng minh
1							
2							
TỔNG CỘNG (kết xuất qua bảng UDSX 01)							

Ghi chú

Nhà thầu liệt kê toàn bộ chi phí chi phí nguyên liệu, vật liệu cấu thành sản phẩm kèm tài liệu chứng minh (Hợp đồng nguyên tắc (phải còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu), hóa đơn mua hàng (từ năm 2024 trở về sau) từ nhà sản xuất, trường hợp nhà thầu mua hàng từ đại lý hoặc nhà phân phối thì nhà thầu phải có cam kết của đại lý hoặc nhà phân phối về nguồn gốc nguyên liệu, vật liệu sản xuất trong nước).

Đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên cơ sở sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

BẢNG KÊ KHAI GIÁ TRỊ THUẾ CÁC LOẠI
(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Mã phân/lô
Tên hàng hóa
Số lưu hành
Tên cơ sở sản xuất

STT	Nội dung thuế, phí	Cách tính cho 1 đơn vị sản phẩm	Thành tiền	Tài liệu chứng minh
1				
TỔNG CỘNG (kết xuất qua Mẫu số 15B)				

Ghi chú

Nhà sản xuất liệt kê toàn bộ thuế, phí và cách tính theo quy định hiện hành. Kèm theo Tờ khai thuế và xác nhận nộp thuế Nhà sản xuất chỉ được tính ưu đãi khi liệt kê đầy đủ các loại thuế, phí theo quy định hiện hành và kèm tài liệu chứng minh.

Đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên cơ sở sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

BẢNG CHI PHÍ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU CẤU THÀNH SẢN PHẨM
(Tính cho một đơn vị đóng gói nhỏ nhất)

Mã phần/lô
Tên hàng hóa
Số lưu hành
Tên cơ sở sản xuất

STT	Tên nguyên liệu, vật liệu	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Định mức cho 1 đơn vị sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Tài liệu chứng minh
1							
2							
TỔNG CỘNG (kết xuất qua Mẫu số 15B)							

Ghi chú

Nhà thầu liệt kê toàn bộ chi phí chi phí nguyên liệu, vật liệu ngoại nhập kèm Tờ khai hải quan (từ năm 2024 trở về sau) thể hiện đầy đủ khối lượng, giá nhập khẩu
Trong trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà sản xuất kê khai theo Mẫu số 15C để chứng minh hàng hóa được hưởng ưu đãi Kèm Bản cam kết của cơ sở sản xuất (theo mẫu số UDSX 05)

Đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tên cơ sở sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂN BÌNH

Chúng tôi, (ghi tên Cơ sở sản xuất), là nhà sản xuất các hàng hóa sau:

Stt	Mã phân (lô)	Tên hàng hóa mời thầu	Tên, Mã hiệu hàng hóa dự thầu	Giá dự thầu	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ

Chúng tôi cam kết đã kê khai đúng, đầy đủ và hợp lý các chi phí sản xuất sản phẩm dự thầu được hưởng ưu đãi sản xuất trong nước (kèm **Bảng thuyết minh chi phí sản xuất trong nước trong cơ cấu giá, Bảng chi phí nguyên liệu, vật liệu** của từng sản phẩm dự thầu) Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên.

Đại diện theo pháp luật của cơ sở sản xuất
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)